

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 27 - 01 - 2026
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Trọng Ích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Toàn

2. Bà Dương Thị Vui

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên toà:* Bà Mai Thị Hòe - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về vụ án kiện xin ly hôn và giải quyết con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-TCDS ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn H, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

* Bị đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn H, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt anh K, chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn K vắng mặt, trong đơn khởi kiện và lời khai của anh K tại các buổi làm việc với Toà án thể hiện: Anh kết hôn với chị Trần Thị Thu T vào tháng 10/2017 trên cơ sở tự nguyện, được UBND thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình) cấp đăng ký kết hôn vào ngày 05/10/2017. Sau khi được cấp đăng ký kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con dẫn đến cãi chửi nhau, gia đình hòa

giải nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị Thu T.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn K xác định giữa anh và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 16/6/2018; kể từ khi vợ chồng ly thân cháu đang ở với mẹ. Ly hôn anh K đề nghị chị T trực tiếp nuôi con, anh K tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh K xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm anh K đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay chị Trần Thị Thu T vắng mặt. Nội dung bản tự khai và các buổi làm việc với Tòa án chị T thể hiện: Chị và anh K kết hôn với nhau vào tháng 10/2017 trên cơ sở tự nguyện, được UBND thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình) cấp đăng ký. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2025 nguyên nhân là do chị phát hiện anh K có biểu hiện không chung thủy chị đã khuyên ngăn nhưng anh K không thay đổi dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Nay anh K đề nghị ly hôn thì chị nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị Thu T thống nhất xác định giữa chị và anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 16/6/2018. Ly hôn chị T xin nhận được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh K đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nếu anh K tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 4.000.000 đồng/tháng chị cũng nhất trí.

Về tài sản chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Trần Thị Thu T; Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo A cho chị Trần Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành và có khả năng tự lập được. Anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Bảo A trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Tòa án tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Văn K đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình). Anh K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án anh K xin ly hôn chị T và được Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn K và chị Trần Thị Thu T vắng mặt. Anh K và chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh K và chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn K và chị Trần Thị Thu T tháng 10/2017 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình) cấp đăng ký kết hôn vào ngày 05/10/2017 là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị T cho rằng anh K có mối quan hệ với người khác dẫn đến cãi chửi nhau, gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Chị T cũng có quan điểm nhất trí thuận tình ly hôn. Xét việc xin ly hôn của anh K và quan điểm nhất trí thuận tình ly hôn của chị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn K và chị Trần Thị Thu T đều thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 16/6/2018. Ly hôn chị T đề nghị xin được trực tiếp nuôi con chung, anh K nhất trí để chị T trực tiếp nuôi cháu A và anh tự nguyện đóng góp nuôi cháu A cùng chị T là 4.000.000 đồng/tháng và chị T cũng nhất trí. Xét việc thỏa thuận nuôi con chung của anh K và chị T thấy là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Anh Nguyễn Văn K và chị Trần Thị Thu T đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Văn K phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Trần Thị Thu T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 16/6/2018 cho chị Trần Thị Thu T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn K tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2026 cho đến khi cháu Bảo A đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3. Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Văn K phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

- Án cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Văn K phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Tổng số tiền án phí anh K phải nộp là 600.000 đồng, anh K đã nộp theo 300.000 đồng theo biên lai số 0001811 ngày 16/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình được đối trừ. Anh K còn phải nộp 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh.
- VKSND khu vực 11 - Ninh Bình.
- THADS tỉnh Ninh Bình.
- UBND xã Quỹ Nhất.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

Trần Trọng Ích